

Số: 07/2025/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành **ngày 02 tháng 7 năm 2025** về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: **203/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.**

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số E, ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là: Số E, ấp P, xã L, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Anh Phan Tuấn A, sinh năm 1998; địa chỉ: Số C, ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là: Số C, ấp L, xã V, tỉnh Vĩnh Long).

- Anh Đỗ Hiệp P, sinh năm 1995; địa chỉ: Số A, ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là: Số A, ấp C, phường S, tỉnh Vĩnh Long).

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số F, ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là: Số F, ấp P, xã L, tỉnh Vĩnh Long).

2.2. Ông Phạm Hoàng L, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số A, khu phố B, đường C, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là: Số A, khu phố B, phường D, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số A, ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là: Số A, ấp P, xã C, tỉnh Vĩnh Long).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị D1, sinh năm 1970; nơi cư trú trước khi sáp nhập: Số B, đường B, khu phố B, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D1: Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số A, ấp P, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Hủy “Hợp đồng ủy quyền” giữa ông Nguyễn Văn N với bà Nguyễn Thị T được ký kết tại Văn phòng C ngày 17/11/2020 (số công chứng 1288, quyển số 01/2020 TP/CC-SCC/HĐGD) đối với thửa đất số 237 tờ bản đồ 14 tọa lạc tại xã P (thửa 237 tờ bản đồ 40 tọa lạc tại xã P), huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long).

2. Tuyên bố “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa ông Nguyễn Văn N do bà Nguyễn Thị T đại diện ký với ông Phạm Hoàng L được ký kết tại Văn phòng C ngày 17/11/2020 (số công chứng 1290, quyển số 01/2020 TP/CC-SCC/HĐGD) đối với thửa đất số 237 tờ bản đồ 14 tọa lạc tại xã P (thửa 237 tờ bản đồ 40 tọa lạc tại xã P), huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long) vô hiệu.

3. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 237 nêu trên từ ông Phạm Hoàng L sang tên ông Nguyễn Văn N khi đương sự có yêu cầu.

4. Bà Nguyễn Thị T chịu trách nhiệm trả cho ông Phạm Hoàng L và bà Lê Thị D1 số tiền là 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng.

5. Chấm dứt thỏa thuận vay tiền giữa ông Nguyễn Văn N với bà Nguyễn Thị T. Ông Nguyễn Văn N chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Chi phí tố tụng trong vụ án là 244.000 (Hai trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng, ông Nguyễn Văn N nhận chịu và ông N đã nộp xong.

9. Án phí dân sự sơ thẩm được giảm phân nửa:

- Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số

tiền phải trả cho bà T là 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010629 và số 0010630 ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Ông N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 100.000 (Một trăm nghìn) đồng.

- Bà Nguyễn Thị T chịu án phí tổng cộng là 16.300.000 (Mười sáu triệu ba trăm nghìn) đồng, bao gồm: Án phí không có giá ngạch đối với 02 hợp đồng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và án phí có giá ngạch đối với khoản tiền phải trả cho ông L, bà D1 là 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng. Bà T còn phải nộp số tiền án phí này.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Huyền